

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày 13 tháng 5 năm 2020
*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và yêu cầu người thừa kế thực hiện
nghĩa vụ về tài sản do người chết
để lại”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chung

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng nghị.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐ - PT ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cụ Triệu Thị N, sinh năm 1934 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019)(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ E quan:*

- Anh Nguyễn Trường I, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1933 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019) (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn G trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ bà Nguyễn Thị Kim E (có chồng ông Nguyễn Xuân Q) là đồng nghiệp với bà Nguyễn Thị U (con gái cụ N) nên ngày 28/9/2013, cụ N cho ông Q và bà E vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*), có viết giấy vay, có ghi trong giấy vay là lãi suất thỏa thuận và hai bên có thỏa thuận miệng là 1,5%/1 tháng, thời hạn trả là ngày 28/5/2016. Sau khi vay, ông Q và bà E đã trả được lãi suất đến hết tháng 3/2015. Ngày 28/11/2015, ông Q và bà E viết lại giấy nhận nợ đối với số tiền vay và thỏa thuận như trên. Đến tháng 03/2018, bà E trả cho cụ N được 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) tiền lãi. Ngày 07/6/2018, ông Q và bà E đã trả cho cụ N được 650.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại tiền gốc là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi đối với số tiền 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*) từ tháng 4/2015 đến tháng 6/2018 là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Ngày 07/6/2018 ông Q, bà E đã viết giấy vay tiền mặt chốt lại số nợ gốc là 350.000.000đ (*ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến tháng 6/2018 là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Từ đó cho đến nay ông Q và bà E không trả thêm được khoản tiền nào cho cụ N. Đến ngày 29/10/2018, bà E chết. Cụ N đã nhiều lần đòi nợ nhưng gia đình ông Q khất lần không trả. Nay cụ N khởi kiện, yêu cầu ông Q và những người trong hàng thừa kế của bà E là anh I, anh S có trách nhiệm trả cho cụ N tổng số tiền cả gốc và cả lãi tính đến tháng 8/2019 là 969.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 9/2019 đến ngày 22/11/2019 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Xuân Q vắng mặt, nhưng tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 19/9/2019, ông Q trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị E. Gia đình ông và cụ Triệu Thị N không có mối quan hệ gì và ông cũng không quen biết cụ N, vợ chồng ông chỉ quen biết bà Nguyễn Thị U là con gái của cụ N do bà E và bà U trước đây là đồng nghiệp giáo viên với nhau. Ông

chỉ biết bà U có cho bà E vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*). Năm 2018, bà E đã trả cho bà U số tiền gốc là 650.000.000 đồng, còn nợ lại là 350.000.000 đồng. Khi hai bên cho nhau vay mượn, ông không biết hai bên thỏa thuận với nhau như thế nào về lãi suất. Bà E là người trực tiếp cầm tiền từ bà U, còn ông chứng kiến sự việc này. Sau khi vay, bà E dùng số tiền này để cho những người khác vay để lấy lãi suất cao hơn nhưng cho đến nay vẫn chưa thu lại được số tiền cho vay. Đến ngày 29/10/2018, bà E bị tai nạn giao thông đã chết, tài sản bà E để lại gồm có: 01 nhà 03 tầng trên diện tích đất 106m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên bà E tại tổ dân phố C, thị trấn L. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Hiện nay sinh sống trên thửa đất này có: ông, anh Nguyễn Trường S (con trai ông và bà E), chị Trần Thị Bích P (vợ anh S) và hai cháu nội còn nhỏ (con của anh S- chị P). Ông và bà E có 02 người con là Nguyễn Trường S, sinh năm 1983 và Nguyễn Trường I, sinh năm 1981. Bố mẹ đẻ của bà E đều đã chết trước bà E. Khi còn sống bà E là người lo toan mọi chi phí trong gia đình. Nay cụ N khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc và lãi là 969.000.000 đồng như trên, ông không nhất trí. Ông chỉ nhất trí trả số tiền gốc còn nợ lại là 350.000.000 đồng, nhưng xin trả dần. Còn không nhất trí trả tiền lãi và ông xác định chữ kí trong giấy nhận nợ ngày 28/11/2015 và chữ kí trong giấy vay tiền mặt ngày 07/6/2018 đúng là chữ kí của ông và bà E.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trường I và anh Nguyễn Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Với nội dung như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Khoản 2 Điều 221, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 611, Điều 614, Điều 615, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Triệu Thị N. Buộc ông Nguyễn Xuân Q, anh Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Trường I liên đới trả cho cụ Triệu Thị N số tiền (tính đến thời điểm xét xử, ngày 22/11/2019) cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Xuân Q phải thanh toán cho cụ Triệu Thị N số tiền là: 555.949.333 đồng.

- Anh Nguyễn Trường I và anh Nguyễn Trường S, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho cụ Triệu Thị N số tiền là: 138.987.333 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 12 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định kháng nghị số : 1728/QĐKNPT-VKS-DS. Lý do kháng nghị: Tòa sơ thẩm phân chia ông Q, anh S, anh I mỗi người phải thực hiện 1/3 nghĩa vụ tài sản của bà E để là vượt quá yêu cầu khởi kiện và vi phạm quy định về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng người trực tiếp quản lý di sản của bà E phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc được làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông Nguyễn Xuân Q, anh Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Trường I vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ Triệu Thị N yêu cầu ông Nguyễn Xuân Q, anh Nguyễn Trường S, anh Nguyễn Trường I có trách nhiệm trả cho cụ Triệu Thị N 969.000.000 đồng là số tiền gốc và tiền lãi tính đến tháng 8/2019 và yêu cầu tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Triệu Thị N đối với số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 833.924.000 đồng. Sau khi tuyên án, các đương sự không có kháng cáo, viện kiểm sát không có kháng nghị về số tiền gốc và lãi nên phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bản án sơ thẩm số: 17/2019/DSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự và phân chia thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại không đúng pháp luật, cụ thể như sau:

Cụ Triệu Thị N chỉ yêu cầu ông Nguyễn Xuân Q và những người trong hàng thừa kế của bà E là anh I, anh S có trách nhiệm trả cho cụ N số tiền tính đến ngày 07/9/2019 là 969.000.000 đồng và tính lãi từ tháng 9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, không yêu cầu Tòa án phân chia kỷ phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà E cho những người thừa kế. Trong nội dung bản án thể hiện khi bà E chết có để lại tài sản là ngôi nhà 03 tầng và quyền sử dụng thửa đất số 394.1, tờ bản đồ số 04, diện tích 106m² tại Tổ dân phố C, thị trấn L, hiện do ông Q và vợ chồng anh S quản lý, sử dụng; không có tài liệu, chứng cứ thể hiện di sản do bà E để lại đã được phân chia hay chưa, phân chia như thế nào, những người thừa kế cũng chưa có thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà E.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, trong vụ án này nguyên đơn có yêu cầu ông Q và những người trong hàng thừa kế của bà E là anh I, anh S có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho cụ N. Tòa sơ thẩm đã buộc anh Nguyễn Trường I, anh Nguyễn Trường S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà E là không đúng vì di sản do bà E để lại chưa được phân chia và những người được hưởng thừa kế là ông Q, anh I, anh S cũng chưa có thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà E nên không phát sinh nghĩa vụ của người được hưởng di sản là anh I và anh S. Mặt khác ông Q và bà E là vợ chồng, việc vay nợ do ông Q và bà E cùng thỏa thuận, xác lập. Tòa sơ thẩm đã xác định đây là khoản vay nợ chung của hai vợ chồng là chính xác. Theo khoản 2 Điều 27 và Luật Hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng: " 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này" và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: " Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm...." Như vậy, khi bà E chết thì ông Q phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bà E. Bản án sơ thẩm buộc ông Q, anh S, anh I, mỗi người phải thực hiện 1/3 nghĩa vụ tài sản của bà E để lại là vi phạm quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, quy định khoản 1, 2, 3 điều 615 Bộ luật dân sự:

"1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Từ những nhận định trên cho thấy Viện kiểm sát kháng nghị là có căn cứ cần được chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Xuân Q có trách nhiệm trả cho cụ Triệu Thị N số tiền (tính đến thời điểm xét xử, ngày 22/11/2019) là 833.924.000 đồng (*tám trăm ba ba triệu chín trăm hai tư nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Căn cứ vào Khoản 2 Điều 221, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 611, Điều 614, Điều 615, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà cụ Triệu Thị N. Buộc ông Nguyễn Xuân Q phải trả cho cụ Triệu Thị N số tiền (tính đến thời điểm xét xử, ngày 22/11/2019) là 833.924.000 đồng (*tám trăm ba ba triệu chín trăm hai tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Cụ Triệu Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được Tòa án chấp nhận.

Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.017.000 đ (*ba mươi bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh